

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN YEAH1
YEAH1 GROUP CORPORATION
(HOSE: YEG)



QUY CHẾ CÔNG BỐ THÔNG TIN
REGULATION ON INFORMATION DISCLOSURE
CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN YEAH1
YEAH1 GROUP CORPORATION
(Sửa đổi lần thứ nhất)
(First Amendment)
Số/No.: 340/QC/CBTT/YEG

Tháng 09, 2025
September, 2025

TP. Hồ Chí Minh, ngày 16 tháng 9 năm 2025
Ho Chi Minh City, September 16, 2025

**QUY CHẾ CÔNG BỐ THÔNG TIN
CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN YEAH1
(Sửa đổi lần thứ nhất)
REGULATION ON INFORMATION DISCLOSURE
YEAH1 GROUP CORPORATION
(First Amendment)**

(Ban hành kèm theo Nghị quyết số 336/2509/NQ/HĐQT/YEG ngày 16/9/2025
của Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Tập đoàn Yeah1)
(Issued together with Resolution No. 336/2509/NQ/BOD/YEG dated September 16, 2025
of the Board of Directors of Yeah1 Group Corporation)

Căn cứ:

Pursuant to:

- Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/06/2020 của Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam và các văn bản sửa đổi, bổ sung (“Luật Doanh nghiệp”);
The Law on Enterprises No. 59/2020/QH14 dated June 17, 2020 of the National Assembly of the Socialist Republic of Vietnam and its amendments and supplements (the “Law on Enterprises”);
- Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26/11/2019 của Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam và các văn bản sửa đổi, bổ sung (“Luật Chứng khoán”);
The Law on Securities No. 54/2019/QH14 dated November 26, 2019 of the National Assembly of the Socialist Republic of Vietnam and its amendments and supplements (the “Law on Securities”);
- Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ về việc quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán và các văn bản sửa đổi, bổ sung (“Nghị định 155”);
Decree No. 155/2020/ND-CP dated December 31, 2020 of the Government detailing the implementation of a number of articles of the Law on Securities and its amendments and supplements (“Decree 155”);
- Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán (“Thông tư 96”);
Circular No. 96/2020/TT-BTC dated November 16, 2020 of the Ministry of Finance guiding information disclosure on the securities market (“Circular 96”);

- Thông tư số 68/2024/TT-BTC ngày 18/09/2024 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của các thông tư quy định về giao dịch chứng khoán trên hệ thống giao dịch chứng khoán; bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán; hoạt động của công ty chứng khoán và công bố thông tin trên thị trường chứng khoán (“Thông tư 68”);
Circular No. 68/2024/TT-BTC dated September 18, 2024 of the Ministry of Finance amending and supplementing a number of articles of the circulars regulating securities trading on the securities trading system; clearing and settlement of securities transactions; operation of securities companies and information disclosure on the securities market (“Circular 68”);
- Thông tư số 119/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020 của Bộ Tài Chính quy định hoạt động đăng ký, lưu ký, bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán (“Thông tư 119”);
Circular No. 119/2020/TT-BTC dated December 31, 2020 of the Ministry of Finance regulating securities registration, depository, clearing and settlement of securities transactions (“Circular 119”);
- Thông tư số 18/2025/TT-BTC ngày 26/04/2025 của Bộ Tài Chính sửa đổi, bổ sung một số điều của thông tư số 119/2020/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2020 quy định hoạt động đăng ký, lưu ký, bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán, thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16 tháng 11 năm 2020 hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán (“Thông tư 18”);
Circular No. 18/2025/TT-BTC dated April 26, 2025 of the Ministry of Finance amending and supplementing a number of articles of Circular No. 119/2020/TT-BTC dated December 31, 2020 on securities registration, depository, clearing and settlement of securities transactions, and Circular No. 96/2020/TT-BTC dated November 16, 2020 guiding information disclosure on the securities market (“Circular 18”);
- Điều lệ Công ty Cổ phần Tập đoàn Yeah1 ngày 22/04/2025;
The Charter of Yeah1 Group Corporation dated April 22, 2025;
- Quy chế Niêm yết và giao dịch chứng khoán niêm yết của Sở giao dịch Chứng khoán Việt Nam (“Quy chế của Sở giao dịch Chứng khoán”);
The Listing and Trading Regulation of Listed Securities of the Vietnam Stock Exchange (“Regulation of the Stock Exchange”);
- Quyết định số 21/QĐ-SGDVN ngày 21/12/2021 của Tổng Giám đốc SGDCK Việt Nam về Quy chế Công bố thông tin tại Sở giao dịch Chứng khoán Việt Nam (“Quyết định 21”);
Decision No. 21/QĐ-SGDVN dated December 21, 2021 of the General Director of the Vietnam Stock Exchange on the Regulation on Information Disclosure at the Vietnam Stock Exchange (“Decision 21”);
- Công văn số 5117/UBCK-GSDC ngày 13/8/2024 của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước về việc Thông báo triển khai hệ thống công bố thông tin một đầu mối (“Công văn 5117”);
Official Dispatch No. 5117/UBCK-GSDC dated August 13, 2024 of the State Securities Commission regarding the implementation of the single-window information disclosure system (“Official Dispatch 5117”);

- Nghị quyết HĐQT số 336/2509/NQ/HĐQT/YEG ngày 16/9/2025 của Công ty Cổ phần Tập đoàn Yeah1.
Resolution of the Board of Directors No. 336/2509/NQ/BOD/YEG dated September 16 2025 of Yeah1 Group Corporation.

CHƯƠNG I. NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

CHAPTER I. GENERAL PROVISIONS

Điều 1. Mục đích

Article 1. Purpose

Quy chế này tạo chuẩn mực, trình tự trong việc triển khai thực hiện nghiệp vụ công bố thông tin của Công ty Cổ phần Tập đoàn Yeah1 (sau đây gọi tắt là “Công ty”) đảm bảo thực hiện một cách đồng bộ, chính xác, tuân thủ đúng trình tự, quy định của pháp luật cho các Khối, Phòng, bộ phận liên quan trong Công ty, các đối tượng có liên quan khi thực hiện công bố các thông tin.

This Regulation establishes standards and procedures for implementing the information disclosure operations of Yeah1 Group Corporation (hereinafter referred to as the “Company”), ensuring that all Divisions, Departments, relevant units within the Company, and related parties carry out information disclosure in a consistent, accurate manner and in compliance with applicable laws and regulations.

Điều 2. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

Article 2. Scope of regulation and subjects of application

1. Phạm vi điều chỉnh:

Scope of Regulation:

Quy chế này quy định về cách thức, trình tự thực hiện việc công bố các thông tin của Công ty đối với cổ đông, nhà đầu tư, cơ quan có thẩm quyền; xác định công việc và trách nhiệm, quyền hạn của bộ phận công bố thông tin và các phòng ban liên quan đến hoạt động công bố thông tin tại Công ty.

This Regulation governs the methods and procedures for the Company’s disclosure of information to shareholders, investors, and competent authorities; and defines the tasks, responsibilities, and powers of the Information Disclosure Department and other departments involved in the Company’s information disclosure activities.

2. Đối tượng áp dụng:

Subjects of Application:

a) Bộ phận Công bố thông tin;

The Information Disclosure Department;

b) Công ty Cổ phần Tập đoàn Yeah1;

Yeah1 Group Corporation;

c) Người nội bộ của Công ty và người có liên quan của người nội bộ;

The Company’s insiders and persons related to the insiders;

d) Cổ đông;

Shareholders;

- e) Nhà đầu tư thuộc đối tượng công bố thông tin theo quy định của pháp luật;
Investors subject to information disclosure in accordance with law;
- f) Cơ quan, tổ chức, cá nhân khác có liên quan đến nghĩa vụ công bố thông tin của Công ty.
Other agencies, organizations, and individuals related to the Company's information disclosure obligations.

Điều 3. Giải thích từ ngữ

Article 3. Interpretation of Terms

1. Công ty là Công ty Cổ phần Tập đoàn Yeah1.
The "Company" refers to Yeah1 Group Corporation.
2. Người nội bộ là cá nhân theo quy định tại khoản 45 Điều 4 Luật Chứng khoán.
"Insider" means an individual as defined in Clause 45, Article 4 of the Law on Securities.
3. Nhà đầu tư thuộc đối tượng công bố thông tin bao gồm:
"Investors subject to information disclosure" include:
 - a) Người nội bộ của Công ty, người nội bộ của quỹ đại chúng, công ty đầu tư chứng khoán đại chúng theo quy định tại khoản 45 Điều 4 Luật Chứng khoán và người có liên quan của người nội bộ;
Insiders of the Company, insiders of public funds, public securities investment companies as defined in Clause 45, Article 4 of the Law on Securities, and related persons of insiders;
 - b) Cổ đông lớn, nhóm người có liên quan sở hữu từ 5% trở lên số cổ phiếu có quyền biểu quyết của Công ty; nhà đầu tư, nhóm người có liên quan sở hữu từ 5% trở lên chứng chỉ quỹ của quỹ đóng;
Major shareholders, groups of related persons holding 5% or more of the voting shares of the Company; investors or groups of related persons holding 5% or more of the certificates of closed-end funds;
 - c) Cổ đông sáng lập trong thời gian bị hạn chế chuyển nhượng của Công ty, công ty đầu tư chứng khoán đại chúng;
Founding shareholders of the Company and public securities investment companies during the restricted transfer period;
 - d) Nhóm nhà đầu tư nước ngoài có liên quan sở hữu từ 5% trở lên số cổ phiếu có quyền biểu quyết của 01 tổ chức phát hành hoặc từ 5% trở lên chứng chỉ quỹ của quỹ đóng;
Groups of foreign investors and related persons holding 5% or more of the voting shares of an issuer or 5% or more of the certificates of closed-end funds;
 - e) Cổ đông, nhóm người có liên quan mua vào để sở hữu từ 5% trở lên số cổ phiếu có quyền biểu quyết của Công ty; nhà đầu tư hoặc nhóm người có liên quan mua vào để sở hữu từ 5% trở lên chứng chỉ quỹ của quỹ đóng;

Shareholders or groups of related persons acquiring 5% or more of the voting shares of the Company; investors or groups of related persons acquiring 5% or more of the certificates of closed-end funds;

- f) Tổ chức, cá nhân thực hiện chào mua công khai cổ phiếu của Công ty, chứng chỉ quỹ đóng của quỹ đầu tư mục tiêu; công ty mục tiêu, công ty quản lý quỹ đầu tư mục tiêu.
Organizations and individuals conducting a public tender offer for the Company's shares or for closed-end fund certificates of target funds; the target company; and the management company of the target fund.
4. Người có liên quan là tổ chức, cá nhân theo quy định tại khoản 46 Điều 4 Luật Chứng khoán.
"Related person" refers to an organization or individual as defined in Clause 46, Article 4 of the Law on Securities.
5. Ban Điều hành bao gồm Tổng Giám đốc, các Phó Tổng giám đốc, Giám đốc Tài chính và Kế toán trưởng của Công ty.
The "Executive Board" includes the General Director, Deputy General Directors, Chief Financial Officer, and Chief Accountant of the Company.
6. Ngày công bố thông tin là ngày thông tin xuất hiện trên một trong các phương tiện công bố thông tin quy định tại khoản 1 Điều 7 Quy chế này.
"Date of information disclosure" means the date on which the information appears on one of the disclosure channels specified in Clause 1, Article 7 of this Regulation.
7. Ngày báo cáo là ngày gửi fax, gửi qua thư điện tử, ngày thông tin được tiếp nhận trên hệ thống công bố thông tin của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, phương tiện công bố thông tin của Sở Giao dịch Chứng khoán hoặc ngày Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở Giao dịch Chứng khoán nhận được văn bản báo cáo tùy theo thời điểm nào đến trước.
Date of reporting" means the date of fax submission, email submission, the date information is received on the disclosure system of the State Securities Commission of Vietnam, the disclosure channels of the Stock Exchange, or the date on which the State Securities Commission of Vietnam or the Stock Exchange receives the reporting document, whichever comes first.
8. Tổ chức niêm yết cổ phiếu là tổ chức có cổ phiếu phát hành được niêm yết trên hệ thống giao dịch chứng khoán.
"Listed share issuer" means an organization whose issued shares are listed on the securities trading system.
9. Tổ chức niêm yết trái phiếu doanh nghiệp là tổ chức có trái phiếu doanh nghiệp phát hành được niêm yết trên hệ thống giao dịch chứng khoán.
"Listed corporate bond issuer" means an organization whose issued corporate bonds are listed on the securities trading system.

10. *Tổ chức đăng ký giao dịch* là tổ chức có cổ phiếu phát hành được đăng ký giao dịch trên hệ thống giao dịch chứng khoán.
“Registered trading organization” means an organization whose issued shares are registered for trading on the securities trading system.
11. *Tổ chức kiểm toán được chấp thuận* là tổ chức kiểm toán độc lập thuộc danh sách các tổ chức kiểm toán được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước chấp thuận kiểm toán theo quy định của Luật Chứng khoán và pháp luật về kiểm toán độc lập.
“Approved auditing organization” means an independent auditing firm included in the list of auditing organizations approved by the State Securities Commission of Vietnam in accordance with the Law on Securities and the law on independent auditing.
12. *Ngày thực hiện giao dịch chứng khoán* được xác định như sau:
“Date of securities transaction execution” is determined as follows:
- a) Là ngày đặt lệnh giao dịch trong trường hợp giao dịch thực hiện qua Sở Giao dịch Chứng khoán;
The order placement date in the case of transactions conducted through the Stock Exchange;
 - b) Là ngày đăng ký thực hiện giao dịch quyền mua, đăng ký thực hiện quyền chuyển đổi trái phiếu thành cổ phiếu trong trường hợp thực hiện quyền mua, quyền chuyển đổi trái phiếu;
The date of registration for exercising purchase rights or conversion rights in the case of exercising rights to purchase or convert bonds into shares;
 - c) Là ngày các bên đề nghị chuyển quyền sở hữu chứng khoán trong trường hợp giao dịch thực hiện qua Tổng Công ty Lưu ký và Bù trừ Chứng khoán Việt Nam;
The date the parties request the transfer of securities ownership in the case of transactions conducted through the Vietnam Securities Depository and Clearing Corporation (VSDC);
 - d) Là ngày nộp phiếu tham dự đấu giá trong trường hợp thực hiện giao dịch qua phương thức đấu giá;
The date of auction participation slip submission in the case of transactions conducted through auction;
 - e) Là ngày các bên đề nghị chuyển nhượng tại tổ chức phát hành trong trường hợp giao dịch không thực hiện qua Tổng Công ty Lưu ký và Bù trừ Chứng khoán Việt Nam và không thực hiện qua Sở Giao dịch Chứng khoán.
The date the parties request the transfer at the issuer in the case of transactions not conducted through the VSDC and not through the Stock Exchange.
13. *Ngày hoàn tất giao dịch chứng khoán* được xác định như sau:
“Date of completion of securities transaction” is determined as follows:
- a) Là ngày kết thúc việc thanh toán giao dịch trong trường hợp giao dịch thực hiện qua Sở Giao dịch Chứng khoán;

The date the transaction settlement is completed in the case of transactions conducted through the Stock Exchange;

- b) Là ngày kết thúc việc thanh toán giao dịch trong trường hợp giao dịch thực hiện quyền mua;

The date the transaction settlement is completed in the case of exercising purchase rights;

- c) Là ngày hoàn tất việc chuyển đổi trái phiếu thành cổ phiếu theo thông báo của tổ chức phát hành;

The date of completion of the bond-to-share conversion as notified by the issuer;

- d) Là ngày hiệu lực chuyển quyền sở hữu chứng khoán tại Tổng Công ty Lưu ký và Bù trừ Chứng khoán Việt Nam trong trường hợp giao dịch thực hiện qua Tổng Công ty Lưu ký và Bù trừ Chứng khoán Việt Nam;

The effective date of the securities ownership transfer at the VSDC in the case of transactions conducted through the VSDC;

- e) Là ngày kết thúc việc thanh toán tiền mua cổ phần theo thông báo của tổ chức thực hiện bán đấu giá cổ phần trong trường hợp thực hiện giao dịch qua phương thức đấu giá;

The date of completion of share purchase payment as notified by the auctioning organization in the case of transactions conducted through auction;

- f) Là ngày tổ chức phát hành xác nhận hiệu lực của việc chuyển nhượng chứng khoán trong trường hợp giao dịch không thực hiện qua Tổng Công ty Lưu ký và Bù trừ Chứng khoán Việt Nam và không thực hiện qua Sở Giao dịch Chứng khoán.

The date the issuer confirms the effectiveness of the securities transfer in the case of transactions not conducted through the VSDC and not through the Stock Exchange.

14. Công ty đại chúng quy mô lớn là công ty đại chúng có vốn góp của chủ sở hữu từ 120 tỷ đồng trở lên tại báo cáo tài chính năm gần nhất đã được kiểm toán.

"A large-scale public company" means a public company with charter capital of VND 120 billion or more according to the latest audited annual financial statements.

15. Danh sách các từ viết tắt:

List of abbreviations:

UBCKNN	: Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
SSC	: State Securities Commission of Vietnam
SGDCK	: Sở Giao dịch Chứng khoán
VNX	: Vietnam Stock Exchange
VSDC	: Tổng công ty Lưu ký và Bù trừ Chứng khoán Việt Nam
VSDC	: Vietnam Securities Depository and Clearing Corporation
CBTT	: Công bố thông tin
ID	: Information Disclosure

Điều 4. Nguyên tắc công bố thông tin

Article 4. Principles of information disclosure

1. Việc công bố thông tin phải đầy đủ, chính xác, kịp thời theo quy định pháp luật. Việc công bố các thông tin cá nhân bao gồm: Căn cước công dân, Chứng minh nhân dân, Chứng minh quân nhân, Hộ chiếu còn hiệu lực, địa chỉ liên lạc, địa chỉ thường trú, số điện thoại, số fax, thư điện tử, số tài khoản giao dịch chứng khoán, số tài khoản lưu ký chứng khoán, số tài khoản ngân hàng, mã số giao dịch của nhà đầu tư nước ngoài, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài sở hữu trên 50% vốn điều lệ chỉ được thực hiện nếu cá nhân đó đồng ý.

Information disclosure must be complete, accurate, and timely in accordance with the law.

Disclosure of personal information including: Citizen Identification Card, Identity Card, Military ID, valid Passport, contact address, permanent address, phone number, fax number, email, securities trading account number, securities depository account number, bank account number, trading code of foreign investors, and of foreign-invested economic organizations holding more than 50% of charter capital shall only be made with the consent of the individual concerned.

2. Đối tượng công bố thông tin phải chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung thông tin công bố. Trường hợp có sự thay đổi nội dung thông tin đã công bố, đối tượng công bố thông tin phải công bố kịp thời, đầy đủ nội dung thay đổi và lý do thay đổi so với thông tin đã công bố trước đó.

Entities subject to information disclosure shall be legally responsible for the contents of the disclosed information. In case of any change in the disclosed information, the disclosing entity must promptly disclose the changes in full, together with the reasons for such changes compared with the previously disclosed information.

3. Các đối tượng quy định tại Điều 2 Quy chế này khi công bố thông tin phải đồng thời báo cáo UBCKNN và SGDCK nơi chứng khoán đó niêm yết, đăng ký giao dịch về nội dung thông tin công bố, bao gồm đầy đủ các thông tin theo quy định. Trường hợp thông tin công bố bao gồm các thông tin cá nhân quy định tại khoản 1 Điều này và các đối tượng công bố thông tin không đồng ý công khai các thông tin này thì phải gửi UBCKNN và SGDCK 02 bản tài liệu, trong đó 01 bản bao gồm đầy đủ thông tin cá nhân và 01 bản không bao gồm thông tin cá nhân để UBCKNN và SGDCK thực hiện công khai thông tin.

Entities specified in Article 2 of this Regulation, when disclosing information, must simultaneously report to the SSC and the Stock Exchange where the securities are listed or registered for trading, including all required information. In cases where the disclosed information includes personal data as defined in Clause 1 of this Article and the disclosing entities do not consent to the public disclosure of such data, they must submit two versions of the disclosure documents to the SSC and the Stock Exchange: one version including full personal information and one version excluding personal information, for the SSC and the Stock Exchange to publish accordingly.

4. Việc công bố thông tin của tổ chức phải do Người đại diện theo pháp luật hoặc người được ủy quyền công bố thông tin thực hiện. Việc công bố thông tin của cá nhân do cá nhân tự thực hiện hoặc ủy quyền cho tổ chức hoặc cá nhân khác thực hiện. Việc công bố thông tin do người thực hiện công bố thông tin thực hiện được quy định cụ thể tại Điều 6 Quy chế này.

Information disclosure by an organization must be conducted by its legal representative or an authorized information discloser. Information disclosure by an individual must be conducted by such individual or by an authorized organization or individual. The responsibilities of the person conducting the disclosure are specifically provided in Article 6 of this Regulation.

5. Các đối tượng công bố thông tin có trách nhiệm bảo quản, lưu giữ thông tin đã công bố, báo cáo theo quy định tại Quy chế này như sau:

Entities subject to information disclosure must preserve and retain disclosed information and reports in accordance with this Regulation as follows:

- a) Các thông tin công bố định kỳ, thông tin về việc đăng ký Công ty phải được lưu giữ dưới dạng văn bản (nếu có) và dữ liệu điện tử tối thiểu 10 năm. Các thông tin này phải được lưu giữ và truy cập được trên trang thông tin điện tử của đối tượng công bố thông tin tối thiểu là 05 năm;

Periodical disclosures and information on the registration of the Company must be retained in written form (if any) and electronic data for at least 10 years. Such information must also be retained and accessible on the disclosing entity's website for at least 5 years;

- b) Các thông tin công bố bất thường, theo yêu cầu hoặc các hoạt động khác phải được lưu giữ và truy cập được trên trang thông tin điện tử của đối tượng công bố thông tin tối thiểu là 05 năm.

Ad-hoc disclosures, disclosures upon request, or other activities must be retained and accessible on the disclosing entity's website for at least 5 years.

Điều 5. Ngôn ngữ công bố thông tin trên thị trường chứng khoán

Article 5. Language of information disclosure on the securities market

1. Ngôn ngữ công bố thông tin trên thị trường chứng khoán là tiếng Việt. Công ty thực hiện công bố thông tin đồng thời bằng tiếng Anh theo quy định tại khoản 2 Điều này. Thông tin công bố bằng tiếng Anh phải bảo đảm thống nhất với nội dung thông tin công bố bằng tiếng Việt. Trường hợp có sự khác biệt hoặc có cách hiểu khác giữa thông tin bằng tiếng Việt và tiếng Anh thì thông tin bằng tiếng Việt được áp dụng.

The language of information disclosure on the securities market shall be Vietnamese. The Company shall concurrently disclose information in English in accordance with Clause 2 of this Article. Information disclosed in English must be consistent with the content disclosed in Vietnamese. In case of any discrepancy or difference in interpretation between the Vietnamese and English versions, the Vietnamese version shall prevail.

2. Công ty thực hiện công bố thông tin đồng thời bằng tiếng Anh theo lộ trình như sau:

The Company shall concurrently disclose information in English according to the following roadmap:

- a) Công bố thông tin định kỳ đồng thời bằng tiếng Anh kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2025;
Periodic information disclosure concurrently in English starting from January 1, 2025;

- b) Công bố thông tin bất thường, công bố thông tin theo yêu cầu và công bố thông tin về các hoạt động khác của Công ty đồng thời bằng tiếng Anh kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2026. Trong trường hợp văn bản hướng dẫn công bố thông tin có điều chỉnh, sửa đổi thì sẽ áp dụng theo quy định hiện hành tại từng thời điểm.

Ad-hoc disclosures, disclosures upon request, and disclosures on other activities of the Company concurrently in English starting from January 1, 2026.

In case the regulations on information disclosure are amended or revised, the applicable provisions in force at the relevant time shall apply.

Điều 6. Người thực hiện công bố thông tin

Article 6. Information disclosure officer

Công ty thực hiện nghĩa vụ công bố thông tin thông qua 01 Người đại diện theo pháp luật hoặc 01 cá nhân là người được ủy quyền công bố thông tin của Công ty.

The Company shall fulfill its obligation of information disclosure through one (01) Legal Representative or one (01) individual authorized by the Company to disclose information.

- a) Người đại diện theo pháp luật phải chịu trách nhiệm về tính đầy đủ, chính xác và kịp thời về thông tin do người được ủy quyền công bố thông tin công bố. Trường hợp phát sinh sự kiện công bố thông tin mà tất cả Người đại diện theo pháp luật và người được ủy quyền công bố thông tin đều vắng mặt thì thành viên giữ chức vụ cao nhất của Ban Điều hành có trách nhiệm thay thế thực hiện công bố thông tin. Trường hợp có hơn 01 người giữ chức vụ cao nhất, các thành viên còn lại của Ban Điều hành phải thực hiện bầu hoặc chỉ định 01 người chịu trách nhiệm công bố thông tin;

The Legal Representative shall be responsible for the completeness, accuracy, and timeliness of information disclosed by the authorized information disclosure officer. In the event of an information disclosure obligation arising when all Legal Representatives and the authorized information disclosure officer are absent, the member holding the highest position in the Executive Board shall be responsible for carrying out the disclosure. Where more than one person holds the highest position, the remaining members of the Executive Board shall elect or designate one (01) person to be responsible for information disclosure;

- b) Công ty phải báo cáo, báo cáo lại thông tin về người thực hiện công bố thông tin cho UBCKNN và SGDCK trong thời hạn 24 giờ kể từ khi việc chỉ định, ủy quyền hoặc thay đổi người thực hiện công bố thông tin có hiệu lực. Nội dung thông tin báo cáo về người thực hiện công bố thông tin bao gồm: Giấy ủy quyền công bố thông tin theo mẫu quy định tại từng thời điểm áp dụng.

The Company must report, or re-report, information on the information disclosure officer to the SSC and the Stock Exchange within twenty-four (24) hours from the effective time of the appointment, authorization, or change of the information disclosure officer. The report shall include the Power of Attorney for information disclosure in the form prescribed from time to time.

Điều 7. Phương tiện báo cáo, công bố thông tin

Article 7. Means of reporting and information disclosure

1. Các phương tiện báo cáo, công bố thông tin bao gồm:
The means of reporting and information disclosure shall include:
 - a) Trang thông tin điện tử (website) của Công ty;
The Company's website;
 - b) Hệ thống công bố thông tin của UBCKNN;
The SSC's information disclosure system;
 - c) Trang thông tin điện tử của SGDCK, phương tiện công bố thông tin khác theo Quy chế của SGDCK;
The Stock Exchange's website and other disclosure channels as stipulated in the Stock Exchange's regulations;
 - d) Trang thông tin điện tử của VSDC;
The VSDC's website;
 - e) Các phương tiện thông tin đại chúng khác theo quy định pháp luật (báo in, báo điện tử,...).
Other mass media as prescribed by law (printed newspapers, electronic newspapers, etc.).
2. Việc công bố thông tin trên hệ thống công bố thông tin của UBCKNN, hệ thống công bố thông tin của SGDCK thực hiện theo hướng dẫn của UBCKNN và SGDCK.
Information disclosure on the SSC's information disclosure system and the Stock Exchange's information disclosure system shall be carried out in accordance with the guidelines of the SSC and the Stock Exchange.
3. Đối với trang thông tin điện tử (website) của Công ty:
With respect to the Company's website:
 - a) Phải báo cáo với UBCKNN, SGDCK và công khai địa chỉ trang thông tin điện tử và mọi thay đổi liên quan đến địa chỉ này trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày hoàn tất việc lập trang thông tin điện tử hoặc khi thay đổi địa chỉ trang thông tin điện tử này;
The Company must report to the SSC and the Stock Exchange and publicly disclose the website address and any changes thereto within three (03) working days from the date of completion of the establishment of the website or the change of its address;
 - b) Trang thông tin điện tử của Công ty phải có tối thiểu các thông tin sau:
The Company's website must contain at least the following information:
 - Trang thông tin điện tử phải có các nội dung và ngành, nghề kinh doanh và các nội dung phải thông báo công khai trên cổng thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp theo quy định của Luật Doanh nghiệp và mọi thay đổi liên quan tới các nội dung này; chuyên mục riêng về quan hệ cổ đông (nhà đầu tư), trong đó phải công bố Điều lệ công ty, Quy chế công bố thông tin, các thông tin công bố định kỳ, bất thường, theo yêu cầu và các hoạt động khác quy định tại Thông tư 96;

Contents on the business lines and information required to be publicly disclosed on the National Business Registration Portal under the Law on Enterprises and any changes thereto; a dedicated section on shareholder (investor) relations, which must include the Company's Charter, the Regulation on Information Disclosure, periodic disclosures, ad-hoc disclosures, disclosures upon request, and other activities prescribed in Circular 96;

- Trang thông tin điện tử phải hiển thị thời gian đăng tải thông tin, đồng thời phải đảm bảo nhà đầu tư có thể tìm kiếm và tiếp cận được các dữ liệu trên trang thông tin điện tử đó.

The website must display the time of information publication and ensure that investors are able to search and access the data thereon.

4. Trường hợp nghĩa vụ công bố thông tin phát sinh vào ngày nghỉ, ngày lễ theo quy định pháp luật, nghĩa vụ công bố thông tin được thực hiện trên Trang thông tin điện tử của Công ty và thực hiện đầy đủ nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định pháp luật sau khi ngày nghỉ, ngày lễ kết thúc.

In case the obligation of information disclosure arises on a weekend or public holiday as prescribed by law, the obligation shall be fulfilled via the Company's website and fully completed in accordance with the law after the weekend or holiday ends.

Điều 8. Tạm hoãn công bố thông tin

Article 8. Temporary suspension of information disclosure

1. Công ty được tạm hoãn công bố thông tin trong trường hợp vì những lý do bất khả kháng như: Thiên tai, hỏa hoạn, chiến tranh, dịch bệnh và các lý do bất khả kháng khác. Công ty phải báo cáo UBCKNN, SGDCK về việc tạm hoãn công bố thông tin ngay khi xảy ra sự kiện (trong đó nêu rõ lý do của việc tạm hoãn công bố thông tin), đồng thời công bố về việc tạm hoãn công bố thông tin.

The Company may temporarily suspend information disclosure in cases of force majeure, such as natural disasters, fire, war, epidemics, and other force majeure events. The Company must report to the SSC and the Stock Exchange on the suspension of information disclosure immediately upon the occurrence of such event (clearly stating the reason for the suspension), and concurrently disclose the suspension of information disclosure.

2. Ngay sau khi đã khắc phục được tình trạng bất khả kháng, Công ty có trách nhiệm công bố đầy đủ các thông tin mà trước đó chưa công bố theo quy định pháp luật.

As soon as the force majeure circumstances are remedied, the Company shall be responsible for fully disclosing all information that had not been disclosed previously, in accordance with the law.

CHƯƠNG II. NỘI DUNG CÔNG BỐ THÔNG TIN

CHAPTER II. CONTENTS OF INFORMATION DISCLOSURE

Điều 9. Công bố thông tin định kỳ

Article 9. Periodic information disclosure

1. Công ty phải công bố báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán bởi tổ chức kiểm toán được chấp thuận theo nguyên tắc sau:
The Company must disclose its annual financial statements audited by an approved auditing organization in accordance with the following principles:
 - a) Báo cáo tài chính phải bao gồm đầy đủ các báo cáo, phụ lục, thuyết minh theo quy định pháp luật về kế toán doanh nghiệp;
The financial statements must include all reports, appendices, and explanatory notes as prescribed by the law on corporate accounting;
 - Trường hợp Công ty là công ty mẹ của tổ chức khác, Công ty phải công bố 02 báo cáo: báo cáo tài chính năm của riêng đơn vị mình và báo cáo tài chính năm hợp nhất theo quy định pháp luật về kế toán doanh nghiệp;
If the Company is the parent company of another entity, it must disclose two sets of reports: its own annual financial statements and the consolidated annual financial statements in accordance with the law on corporate accounting;
 - Trường hợp Công ty là đơn vị kế toán cấp trên có đơn vị trực thuộc tổ chức bộ máy kế toán riêng phải công bố báo cáo tài chính năm tổng hợp theo quy định pháp luật về kế toán doanh nghiệp;
If the Company is an upper-level accounting unit with a subordinate unit that has an independent accounting apparatus, it must disclose the consolidated annual financial statements in accordance with the law on corporate accounting;
 - Trường hợp Công ty là công ty mẹ của tổ chức khác, đồng thời là đơn vị kế toán cấp trên có đơn vị kế toán trực thuộc tổ chức bộ máy kế toán riêng, Công ty phải công bố 02 báo cáo: báo cáo tài chính năm tổng hợp và báo cáo tài chính năm hợp nhất theo quy định pháp luật về kế toán doanh nghiệp;
If the Company is both the parent company of another entity and an upper-level accounting unit with a subordinate unit that has an independent accounting apparatus, it must disclose two sets of reports: the consolidated annual financial statements and the combined annual financial statements in accordance with the law on corporate accounting;
 - b) Công ty phải công bố thông tin về báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán bao gồm cả báo cáo kiểm toán về báo cáo tài chính đó và văn bản giải trình của công ty trong trường hợp tổ chức kiểm toán đưa ra ý kiến không phải là ý kiến chấp nhận toàn phần đối với báo cáo tài chính;
The Company must disclose the audited annual financial statements, including the auditor's report on such financial statements and the Company's explanation in cases where the auditor issues an opinion other than an unqualified opinion on the financial statements;
 - c) Thời hạn công bố báo cáo tài chính năm
Deadline for disclosure of annual financial statements:

Công ty phải công bố báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày tổ chức kiểm toán ký báo cáo kiểm toán nhưng không vượt quá 90 ngày, kể từ ngày kết thúc năm tài chính.

The Company must disclose its audited annual financial statements within 10 days from the date the auditing organization signs the audit report, but not later than 90 days from the end of the fiscal year.

2. Công ty phải công bố báo cáo tài chính bán niên đã được soát xét bởi tổ chức kiểm toán được chấp thuận.

The Company must disclose its semi-annual financial statements reviewed by an approved auditing organization.

- a) Báo cáo tài chính bán niên phải là báo cáo tài chính giữa niên độ dạng đầy đủ theo Chuẩn mực kế toán “Báo cáo tài chính giữa niên độ”, trình bày số liệu tài chính trong 06 tháng đầu năm tài chính của công ty, được lập theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều này;

The semi-annual financial statements must be full interim financial statements prepared in accordance with the Accounting Standard on “Interim Financial Statements”, presenting the Company’s financial data for the first 6 months of the fiscal year, and prepared in accordance with Point a, Clause 1 of this Article;

- b) Báo cáo tài chính bán niên phải được soát xét theo Chuẩn mực về công tác soát xét báo cáo tài chính. Toàn văn báo cáo tài chính bán niên phải được công bố đầy đủ, kèm theo kết luận soát xét và văn bản giải trình của công ty trong trường hợp kết luận soát xét không phải là kết luận chấp nhận toàn phần;

The semi-annual financial statements must be reviewed in accordance with the Standards on Review of Financial Statements. The full text of the semi-annual financial statements must be disclosed in their entirety, accompanied by the review conclusion and the Company’s explanation in cases where the review conclusion is other than an unqualified conclusion;

- c) Thời hạn công bố báo cáo tài chính bán niên

Deadline for disclosure of semi-annual financial statements:

- Công ty phải công bố báo cáo tài chính bán niên đã được soát xét trong thời hạn 05 ngày, kể từ ngày tổ chức kiểm toán ký báo cáo soát xét nhưng không được vượt quá 45 ngày, kể từ ngày kết thúc 06 tháng đầu năm tài chính.

The Company must disclose its reviewed semi-annual financial statements within 05 days from the date the auditing organization signs the review report, but not later than 45 days from the end of the first 6 months of the fiscal year.

- Trường hợp Công ty là công ty mẹ của tổ chức khác hoặc là đơn vị kế toán cấp trên có đơn vị kế toán trực thuộc tổ chức bộ máy kế toán riêng phải công bố báo cáo tài chính bán niên đã được soát xét trong thời hạn 05 ngày, kể từ ngày tổ chức kiểm toán ký báo cáo soát xét nhưng tối đa không quá 60 ngày, kể từ ngày kết thúc 06 tháng đầu năm tài chính.

If the Company is the parent company of another entity or is an upper-level accounting unit with a subordinate unit that has an independent accounting apparatus, it must disclose its reviewed semi-annual financial statements within 05 days from the date the auditing organization signs the review report, but not later than 60 days from the end of the first 6 months of the fiscal year.

3. Công ty phải công bố báo cáo tài chính quý hoặc báo cáo tài chính quý đã được soát xét.
The Company must disclose quarterly financial statements or quarterly financial statements that have been reviewed.

- a) Báo cáo tài chính quý phải là báo cáo tài chính giữa niên độ dạng đầy đủ theo Chuẩn mực kế toán “Báo cáo tài chính giữa niên độ”, được lập theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều này;

The quarterly financial statements must be full interim financial statements prepared in accordance with the Accounting Standard on “Interim Financial Statements”, and in compliance with Point a, Clause 1 of this Article;

- b) Toàn văn báo cáo tài chính quý hoặc báo cáo tài chính quý đã được soát xét (nếu có) phải được công bố đầy đủ, kèm theo kết luận soát xét và văn bản giải trình của công ty trong trường hợp báo cáo tài chính quý được soát xét có kết luận soát xét không phải là kết luận chấp nhận toàn phần;

The full text of the quarterly financial statements or reviewed quarterly financial statements (if any) must be fully disclosed, accompanied by the review conclusion and the Company’s explanation in cases where the reviewed quarterly financial statements receive a review conclusion other than an unqualified conclusion;

- c) Thời hạn công bố báo cáo tài chính quý

Deadline for disclosure of quarterly financial statements:

- Công ty phải công bố báo cáo tài chính quý trong thời hạn 20 ngày kể từ ngày kết thúc quý. Công ty công bố báo cáo tài chính quý được soát xét (nếu có) trong thời hạn 05 ngày, kể từ ngày tổ chức kiểm toán ký báo cáo soát xét nhưng không được vượt quá 45 ngày, kể từ ngày kết thúc quý.

The Company must disclose its quarterly financial statements within 20 days from the end of the quarter. In case of reviewed quarterly financial statements (if any), the Company must disclose them within 05 days from the date the auditing organization signs the review report, but not later than 45 days from the end of the quarter;

- Trường hợp Công ty là công ty mẹ của tổ chức khác hoặc là đơn vị kế toán cấp trên có đơn vị kế toán trực thuộc tổ chức bộ máy kế toán riêng thì phải công bố báo cáo tài chính quý trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày kết thúc quý.

If the Company is the parent company of another entity or is an upper-level accounting unit with a subordinate unit that has an independent accounting apparatus, it must disclose its quarterly financial statements within 30 days from the end of the quarter;

- Trường hợp Công ty đã thực hiện công bố Báo cáo tài chính quý đã được soát xét trong thời hạn quy định của Báo cáo tài chính quý thì không phải thực hiện công bố Báo cáo tài chính quý.

If the Company has disclosed reviewed quarterly financial statements within the disclosure timeline applicable to quarterly financial statements, it shall not be required to separately disclose the quarterly financial statements.

4. Khi công bố thông tin các báo cáo tài chính nêu tại khoản 1, 2 và 3 Điều này, Công ty phải đồng thời giải trình nguyên nhân khi xảy ra một trong các trường hợp sau:

When disclosing financial statements as stipulated in Clauses 1, 2, and 3 of this Article, the Company must also provide explanations in the following cases:

- a) Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp tại báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh của kỳ báo cáo thay đổi từ 10% trở lên so với báo cáo cùng kỳ năm trước;

Profit after corporate income tax in the statement of profit and loss for the reporting period changes by 10% or more compared to the same period of the previous year;

- b) Lợi nhuận sau thuế trong kỳ báo cáo bị lỗ, chuyển từ lãi ở báo cáo cùng kỳ năm trước sang lỗ ở kỳ này hoặc ngược lại;

Profit after tax in the reporting period shows a loss, shifting from profit in the same period of the previous year to a loss in the current period, or vice versa;

- c) Lợi nhuận sau thuế trong kỳ báo cáo có sự chênh lệch trước và sau kiểm toán hoặc soát xét từ 5% trở lên, chuyển từ lãi sang lỗ hoặc ngược lại.

Profit after tax in the reporting period has a difference of 5% or more before and after audit or review, shifting from profit to loss or vice versa.

5. Trường hợp Công ty là công ty mẹ của tổ chức khác hoặc đồng thời là đơn vị kế toán cấp trên có đơn vị kế toán trực thuộc tổ chức bộ máy kế toán riêng phải giải trình nguyên nhân phát sinh các sự kiện quy định tại khoản 4 Điều này trên cơ sở báo cáo tài chính của công ty mẹ hoặc báo cáo tài chính tổng hợp và báo cáo tài chính hợp nhất.

If the Company is the parent company of another entity or is simultaneously an upper-level accounting unit with a subordinate unit that has an independent accounting apparatus, it must provide explanations for the events stipulated in Clause 4 of this Article based on the parent company's financial statements, or the combined financial statements, and the consolidated financial statements.

6. Công ty phải lập báo cáo thường niên theo mẫu quy định tại Phụ lục IV ban hành kèm theo Thông tư 96 và công bố báo cáo này trong thời hạn 20 ngày kể từ ngày công bố báo cáo tài chính năm được kiểm toán nhưng không vượt quá 110 ngày, kể từ ngày kết thúc năm tài chính.

The Company must prepare the annual report in the form prescribed in Appendix IV issued together with Circular 96 and disclose such report within 20 days from the date of disclosure of the audited annual financial statements but not later than 110 days from the end of the fiscal year.



Thông tin tài chính trong báo cáo thường niên phải phù hợp với báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán.

The financial information in the annual report must be consistent with the audited annual financial statements.

7. Công bố thông tin về họp Đại hội đồng cổ đông thường niên

Disclosure of information on the Annual General Meeting of Shareholders:

- a) Tối thiểu 21 ngày trước ngày khai mạc họp Đại hội đồng cổ đông nếu Điều lệ công ty không quy định thời hạn dài hơn, Công ty phải công bố trên trang thông tin điện tử của công ty và của UBCKNN, SGDCK về việc họp Đại hội đồng cổ đông, trong đó nêu rõ đường dẫn đến toàn bộ tài liệu họp Đại hội đồng cổ đông, bao gồm: thông báo mời họp, chương trình họp, phiếu biểu quyết, tài liệu sử dụng trong cuộc họp và dự thảo nghị quyết đối với từng vấn đề trong chương trình họp. Tài liệu họp Đại hội đồng cổ đông phải được cập nhật các nội dung sửa đổi, bổ sung (nếu có);

At least 21 days prior to the opening date of the Annual General Meeting of Shareholders, unless the Company's Charter stipulates a longer period, the Company must disclose on its website and on the websites of the SSC and the Stock Exchange the convening of the Annual General Meeting of Shareholders. The disclosure must specify the link to all meeting materials, including: the notice of meeting, the meeting agenda, the voting ballot, documents used at the meeting, and draft resolutions for each matter on the agenda. Meeting materials must be updated with amendments and supplements (if any);

- b) Biên bản họp, nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên và tài liệu kèm theo trong biên bản, nghị quyết phải được công bố theo thời hạn quy định tại điểm c khoản 1 Điều 10 Quy chế này.

The minutes, resolutions of the Annual General Meeting of Shareholders, and documents attached to such minutes and resolutions must be disclosed within the timeline prescribed in Point c, Clause 1, Article 10 of this Regulation.

8. Công ty phải công bố thông tin về báo cáo tình hình quản trị công ty theo mẫu quy định tại Phụ lục V ban hành kèm theo Thông tư 96 trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày kết thúc 06 tháng đầu năm và kết thúc năm dương lịch.

The Company must disclose information on the corporate governance report in the form prescribed in Appendix V issued together with Circular 96 within 30 days from the end of the first six months of the fiscal year and from the end of the calendar year.

Điều 10. Công bố thông tin bất thường

Article 10. Extraordinary information disclosure

1. Công ty phải công bố thông tin bất thường trong thời hạn 24 giờ, kể từ khi xảy ra một trong các sự kiện sau đây:

The Company must disclose extraordinary information within 24 hours from the occurrence of any of the following events:

- a) Tài khoản của công ty tại ngân hàng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài bị phong tỏa theo yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền hoặc khi tổ chức cung ứng dịch vụ thanh toán phát hiện có dấu hiệu gian lận, vi phạm pháp luật liên quan đến tài khoản thanh toán; tài khoản được phép hoạt động trở lại sau khi bị phong tỏa trong các trường hợp quy định tại điểm này;
The Company's accounts at banks or foreign bank branches are frozen at the request of a competent authority, or when the payment service provider detects signs of fraud or legal violations related to the payment accounts; or the accounts are allowed to resume operation after being frozen in the cases specified in this Point;
- b) Khi nhận được văn bản của cơ quan nhà nước có thẩm quyền hoặc khi công ty có quyết định về tạm ngừng một phần hoặc toàn bộ hoạt động kinh doanh; thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp; thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp; sửa đổi, bổ sung hoặc bị đình chỉ, thu hồi Giấy phép thành lập và hoạt động hoặc Giấy phép hoạt động;
Upon receipt of a written notice from a competent state authority or when the Company issues a decision on suspension of part or all of its business operations; changes the business registration contents; revocation of the Enterprise Registration Certificate; amendment, supplementation, suspension, or revocation of the Establishment and Operation License or Operation License;
- c) Thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông bất thường. Tài liệu công bố bao gồm: Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, biên bản họp và tài liệu kèm theo biên bản, nghị quyết hoặc biên bản kiểm phiếu (trong trường hợp lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản). Trường hợp Đại hội đồng cổ đông thông qua việc hủy niêm yết, công ty phải công bố thông tin về việc hủy niêm yết kèm theo tỷ lệ thông qua của cổ đông không phải là cổ đông lớn;
Adoption of a resolution of the Extraordinary General Meeting of Shareholders. The disclosure documents include: the resolution of the General Meeting of Shareholders, the minutes of the meeting, and documents attached to the minutes, resolution, or vote-counting minutes (in case of shareholders' written consultation). In case the General Meeting of Shareholders approves delisting, the Company must disclose information on the delisting together with the approval ratio of shareholders who are not major shareholders;
- d) Quyết định mua lại cổ phiếu của công ty hoặc bán cổ phiếu quỹ; ngày thực hiện quyền mua cổ phần của người sở hữu trái phiếu kèm theo quyền mua cổ phần hoặc ngày thực hiện chuyển đổi trái phiếu chuyển đổi thành cổ phiếu; quyết định chào bán chứng khoán ra nước ngoài và các quyết định liên quan đến việc chào bán, phát hành chứng khoán;
Decision on share repurchase by the Company or sale of treasury shares; the date of exercising the right to purchase shares by bondholders attached with share purchase rights, or the date of conversion of convertible bonds into shares; the decision on offering securities abroad and other decisions relating to the offering and issuance of securities;
- e) Quyết định về mức cổ tức, hình thức trả cổ tức, thời gian trả cổ tức; quyết định tách, gộp cổ phiếu;
Decision on the dividend rate, form of dividend payment, and time of dividend payment; decision on stock split or consolidation;

- f) Quyết định về việc tổ chức lại doanh nghiệp (chia, tách, hợp nhất, sáp nhập, chuyển đổi loại hình doanh nghiệp), giải thể, phá sản doanh nghiệp; thay đổi mã số thuế, thay đổi tên công ty, con dấu của công ty; thay đổi địa điểm; thành lập mới hoặc đóng cửa trụ sở chính, chi nhánh, nhà máy, văn phòng đại diện; ban hành, sửa đổi, bổ sung Điều lệ; chiến lược, kế hoạch phát triển trung hạn và kế hoạch kinh doanh hằng năm của công ty;
Decision on corporate reorganization (division, separation, consolidation, merger, conversion of enterprise type), dissolution, or bankruptcy of the enterprise; changes in the tax code, company name, company seal; change of location; establishment or closure of the head office, branches, factories, or representative offices; issuance, amendment, or supplementation of the Charter; strategy, medium-term development plan, and the Company's annual business plan;
- g) Quyết định thay đổi kỳ kế toán, chính sách kế toán áp dụng (trừ trường hợp thay đổi chính sách kế toán áp dụng do thay đổi quy định pháp luật); thông báo doanh nghiệp kiểm toán đã ký hợp đồng kiểm toán báo cáo tài chính năm hoặc thay đổi doanh nghiệp kiểm toán (sau khi đã ký hợp đồng); việc hủy hợp đồng kiểm toán đã ký;
Decision on changes to the accounting period or accounting policies applied (except where changes in accounting policies are due to amendments of law); notice of the audit firm contracted to audit the annual financial statements or change of audit firm (after signing the contract); cancellation of the signed audit contract;
- h) Quyết định tham gia góp vốn thành lập, mua để tăng sở hữu trong một công ty dẫn đến công ty đó trở thành công ty con, công ty liên kết hoặc bán để giảm tỷ lệ sở hữu tại công ty con, công ty liên kết dẫn đến công ty đó không còn là công ty con, công ty liên kết hoặc giải thể công ty con, công ty liên kết;
Decision on capital contribution to establish or acquisition to increase ownership in a company leading to such company becoming a subsidiary or an associate, or divestment to reduce ownership in a subsidiary or an associate leading to such company ceasing to be a subsidiary or an associate, or dissolution of a subsidiary or an associate;
- i) Quyết định của Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị thông qua hợp đồng, giao dịch giữa công ty với người nội bộ, người có liên quan của người nội bộ hoặc người có liên quan của Công ty;
Resolution of the General Meeting of Shareholders or decision of the Board of Directors approving contracts or transactions between the Company and insiders, related persons of insiders, or related persons of the Company;
- j) Khi có sự thay đổi số cổ phiếu có quyền biểu quyết. Thời điểm công bố thông tin thực hiện như sau:
Changes in the number of voting shares. The time of disclosure shall be implemented as follows:
- Trường hợp công ty phát hành thêm cổ phiếu hoặc chuyển đổi trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi thành cổ phiếu, tính từ thời điểm công ty báo cáo UBCKNN về kết quả phát hành, kết quả chuyển đổi theo quy định pháp luật về phát hành chứng khoán;

In case the Company issues additional shares or converts bonds or preference shares into shares, from the time the Company reports the issuance results or conversion results to the SSC in accordance with the securities issuance regulations;

- Trường hợp công ty mua lại cổ phiếu của chính mình hoặc bán cổ phiếu quỹ, tính từ thời điểm công ty báo cáo kết quả giao dịch theo quy định pháp luật về mua lại cổ phiếu của chính mình, bán cổ phiếu quỹ;

In case the Company repurchases its own shares or sells treasury shares, from the time the Company reports the transaction results in accordance with the regulations on repurchase and sale of treasury shares;

- Trường hợp công ty mua lại cổ phiếu của người lao động theo quy chế phát hành cổ phiếu cho người lao động của công ty hoặc mua lại cổ phiếu lẻ theo yêu cầu của cổ đông; công ty chứng khoán mua cổ phiếu của chính mình để sửa lỗi giao dịch hoặc mua lại cổ phiếu lẻ, công ty công bố thông tin trong thời hạn 10 ngày đầu tiên của tháng trên cơ sở các giao dịch đã hoàn tất và cập nhật đến ngày công bố thông tin;

In case the Company repurchases employees' shares under the employee stock issuance scheme or repurchases odd-lot shares at the request of shareholders; securities companies repurchase their own shares to correct transaction errors or repurchase odd-lot shares, the Company shall disclose information within the first 10 days of the month based on completed transactions updated until the disclosure date.

- k) Công ty thay đổi, bổ nhiệm mới, bổ nhiệm lại, bãi nhiệm người nội bộ; nhận được đơn xin từ chức của người nội bộ (công ty cần nêu rõ về thời điểm hiệu lực theo quy định tại Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty). Đồng thời, công ty gửi cho UBCKNN, SGDCK Bản cung cấp thông tin của người nội bộ mới theo mẫu quy định tại Phụ lục III ban hành kèm theo Thông tư số 96;

The Company changes, appoints new, reappoints, or dismisses insiders; receives resignation letters from insiders (the Company must specify the effective date in accordance with the Law on Enterprises and the Company's Charter). At the same time, the Company shall submit to SSC and SE the Information Disclosure Form of the new insider using the template in Appendix III issued together with Circular No. 96;

- l) Khi nhận được quyết định khởi tố đối với công ty, người nội bộ của công ty; tạm giam, truy cứu trách nhiệm hình sự đối với người nội bộ của công ty;

Upon receipt of an indictment decision against the Company or its insiders; detention or prosecution of an insider of the Company;

- m) Khi nhận được bản án, quyết định đã có hiệu lực pháp luật của Tòa án liên quan đến hoạt động của công ty; Quyết định xử phạt vi phạm pháp luật về thuế;

Upon receipt of a legally effective judgment or decision of the Court relating to the Company's operations; decisions on administrative penalties for violations of tax laws;

- n) Công ty nhận được thông báo của Tòa án thụ lý đơn yêu cầu mở thủ tục phá sản doanh nghiệp;

When the Company receives the Court's notice of acceptance of a petition for bankruptcy proceedings against the enterprise;

- o) Trường hợp công ty nhận biết được sự kiện, thông tin làm ảnh hưởng đến giá chứng khoán của chính công ty, công ty phải xác nhận hoặc đính chính về sự kiện, thông tin đó;
In cases where the Company becomes aware of any event or information that affects the Company's securities price, the Company must confirm or correct such event or information;
 - p) Khi xảy ra các sự kiện khác có ảnh hưởng lớn đến hoạt động sản xuất, kinh doanh hoặc tình hình quản trị của công ty;
When other events occur that have a significant impact on the Company's business operations or corporate governance situation;
 - q) Được chấp thuận hoặc hủy bỏ niêm yết tại SGDCK nước ngoài;
Approval for or cancellation of listing on a foreign Stock Exchange;
 - r) Quyết định tăng, giảm vốn điều lệ;
Decisions on increase or decrease of charter capital;
 - s) Quyết định góp vốn đầu tư vào một tổ chức, dự án, vay, cho vay hoặc các giao dịch khác với giá trị từ 10% trở lên trên tổng tài sản của công ty tại báo cáo tài chính năm gần nhất được kiểm toán hoặc báo cáo tài chính bán niên gần nhất được soát xét (căn cứ vào báo cáo tài chính hợp nhất đối với trường hợp công ty đại chúng là công ty mẹ);
Decisions on capital contribution to an organization, project, loan, lending, or other transactions with a value of 10% or more of the Company's total assets stated in the most recent audited annual financial statements or the most recent reviewed semi-annual financial statements (based on consolidated financial statements in case the public company is a parent company);
 - t) Quyết định góp vốn có giá trị từ 50% trở lên vốn điều lệ của một tổ chức (xác định theo vốn điều lệ của tổ chức nhận vốn góp trước thời điểm góp vốn);
Decisions on capital contribution accounting for 50% or more of the charter capital of an organization (determined based on the charter capital of the recipient organization prior to the contribution).
2. Khi công bố thông tin theo quy định tại khoản 1 Điều này, Công ty phải nêu rõ sự kiện xảy ra, nguyên nhân và các giải pháp khắc phục (nếu có).
When disclosing information under Clause 1 of this Article, the Company must clearly state the occurred event, the causes, and remedial measures (if any).
3. Công bố thông tin về họp Đại hội đồng cổ đông bất thường hoặc thông qua Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông dưới hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản.
Disclosure of information on the Extraordinary General Meeting of Shareholders (EGM) or on the adoption of resolutions of the General Meeting of Shareholders in the form of written consultation.

- a) Việc công bố thông tin về họp Đại hội đồng cổ đông bất thường thực hiện theo quy định tại khoản 7 Điều 9 Quy chế này;
Disclosure of information on the EGM shall comply with Clause 7, Article 9 of this Regulation;
- b) Trường hợp lấy ý kiến Đại hội đồng cổ đông bằng văn bản tối thiểu 10 ngày trước thời hạn phải gửi lại phiếu lấy ý kiến nếu Điều lệ công ty không quy định thời hạn khác dài hơn, Công ty phải công bố trên trang thông tin điện tử của mình, đồng thời gửi cho tất cả các cổ đông phiếu lấy ý kiến, dự thảo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông và các tài liệu giải trình dự thảo nghị quyết.
In case of written consultation of the General Meeting of Shareholders, at least 10 days before the deadline for returning voting ballots (unless otherwise provided in the Company's Charter for a longer period), the Company must disclose on its website and simultaneously send to all shareholders the voting ballot, draft resolution of the General Meeting of Shareholders, and explanatory documents for the draft resolution.
4. Công bố thông tin liên quan đến ngày đăng ký cuối cùng thực hiện quyền cho cổ đông hiện hữu.
Disclosure of information regarding the record date for exercising rights of existing shareholders.
- a) Công ty công bố thông tin về ngày đăng ký cuối cùng dự kiến thực hiện quyền cho cổ đông hiện hữu tối thiểu 10 ngày trước ngày đăng ký cuối cùng dự kiến, trừ trường hợp quy định tại điểm b khoản này;
The Company shall disclose information on the expected record date for exercising rights of existing shareholders at least 10 days prior to the expected record date, except as provided in Point b of this Clause;
- b) Công ty công bố thông tin về ngày đăng ký cuối cùng dự kiến thực hiện quyền cho cổ đông hiện hữu để tham dự họp Đại hội đồng cổ đông tối thiểu 20 ngày trước ngày đăng ký cuối cùng dự kiến.
The Company shall disclose information on the expected record date for exercising rights of existing shareholders to attend the General Meeting of Shareholders at least 20 days prior to the expected record date.
5. Trường hợp tổ chức kiểm toán đưa ra ý kiến kiểm toán hoặc kết luận soát xét không phải là ý kiến kiểm toán hoặc kết luận soát xét chấp nhận toàn phần đối với báo cáo tài chính hoặc báo cáo tài chính có điều chỉnh hồi tố, Công ty phải công bố thông tin về ý kiến kiểm toán, kết luận soát xét, kết quả điều chỉnh hồi tố báo cáo tài chính trong thời hạn theo quy định tại khoản 1, khoản 2 và khoản 3 Điều 9 Quy chế này.
In cases where the auditing firm issues an audit opinion or review conclusion other than an unqualified audit opinion or review conclusion on the financial statements, or the financial statements are restated retrospectively, the Company must disclose information on the audit opinion, review conclusion, and results of retrospective adjustments of the

financial statements within the time limit specified in Clauses 1, 2, and 3, Article 9 of this Regulation.

6. Công bố thông tin trong các trường hợp đặc biệt khác
Disclosure of information in other special cases

Sau khi thay đổi kỳ kế toán, Công ty công bố báo cáo tài chính cho giai đoạn giữa 02 kỳ kế toán của năm tài chính cũ và năm tài chính mới theo quy định pháp luật về kế toán doanh nghiệp trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày tổ chức kiểm toán ký báo cáo kiểm toán nhưng không quá 90 ngày kể từ ngày bắt đầu của năm tài chính mới.

Upon changing the fiscal year, the Company must disclose financial statements for the period between two fiscal years (the old and the new fiscal year) in accordance with the laws on corporate accounting, within 10 days from the date the auditing firm signs the audit report but no later than 90 days from the start of the new fiscal year.

Điều 11. Công bố thông tin theo yêu cầu
Article 11. Disclosure of information upon request

1. Trong các trường hợp sau đây, Công ty phải công bố thông tin trong thời hạn 24 giờ, kể từ khi nhận được yêu cầu của UBCKNN, SGDCK nơi công ty niêm yết, đăng ký giao dịch khi xảy ra một trong các sự kiện sau đây:

In the following cases, the Company must disclose information within 24 hours from the time of receiving a request from the SSC or the Stock Exchange where the Company's securities are listed or registered for trading, upon the occurrence of any of the following events:

- a) Sự kiện ảnh hưởng nghiêm trọng đến lợi ích hợp pháp của nhà đầu tư;
An event that seriously affects the lawful interests of investors;
- b) Có thông tin liên quan đến công ty ảnh hưởng lớn đến giá chứng khoán và cần phải xác nhận thông tin đó.
Information relating to the Company that has a significant impact on the securities price and requires confirmation.

2. Nội dung thông tin công bố theo yêu cầu phải nêu rõ sự kiện được UBCKNN, SGDCK yêu cầu công bố; nguyên nhân và đánh giá của công ty về tính xác thực của sự kiện đó, giải pháp khắc phục (nếu có).

The content of information disclosed upon request must clearly state the event required by the SSC or the Stock Exchange to be disclosed; the cause and the Company's assessment of the authenticity of such event; and remedial measures (if any).

Điều 12. Công bố thông tin về các hoạt động khác của Công ty
Article 12. Disclosure of information on other activities of the company

1. Công bố thông tin về hoạt động chào bán, phát hành, niêm yết, đăng ký giao dịch và báo cáo sử dụng vốn.

Disclosure of information on offering, issuance, listing, registration for trading, and capital use reports.

Công ty thực hiện chào bán chứng khoán riêng lẻ, chào bán chứng khoán ra công chúng, phát hành chứng khoán, niêm yết, đăng ký giao dịch thực hiện nghĩa vụ công bố thông tin về hoạt động chào bán, phát hành, niêm yết, đăng ký giao dịch và báo cáo sử dụng vốn theo quy định pháp luật về chào bán, phát hành chứng khoán, niêm yết, đăng ký giao dịch chứng khoán.

The Company, when conducting private placement of securities, public offering of securities, issuance of securities, listing, or registration for trading, shall disclose information on offering, issuance, listing, registration for trading, and capital use reports in accordance with the provisions of law on offering, issuance, listing, and registration for trading of securities.

2. Công bố thông tin về tỷ lệ sở hữu nước ngoài

Disclosure of information on foreign ownership ratio

Công ty phải công bố thông tin về tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa của công ty mình và các thay đổi liên quan đến tỷ lệ sở hữu này trên trang thông tin điện tử của công ty, SGDCK, VSDC và hệ thống công bố thông tin của UBCKNN theo quy định pháp luật chứng khoán hướng dẫn hoạt động đầu tư nước ngoài trên thị trường chứng khoán Việt Nam.

The Company must disclose information on the maximum foreign ownership ratio of the Company and any changes related to such ratio on the Company's website, the Stock Exchange, VSDC, and the SSC's information disclosure system in accordance with securities laws guiding foreign investment activities in the Vietnamese securities market.

3. Công bố thông tin về giao dịch mua lại cổ phiếu của chính mình, bán cổ phiếu quỹ

Disclosure of information on transactions of share repurchase and sale of treasury shares

Trường hợp Công ty mua lại cổ phiếu của chính mình hoặc bán cổ phiếu quỹ, công ty phải thực hiện công bố thông tin theo quy định pháp luật về việc mua lại cổ phiếu của chính mình, bán cổ phiếu quỹ.

In case the Company repurchases its own shares or sells treasury shares, the Company must disclose information in accordance with the provisions of law on share repurchase and sale of treasury shares.

Trường hợp công ty mua lại cổ phiếu của chính mình, sau khi thanh toán hết số cổ phiếu mua lại, nếu tổng giá trị tài sản được ghi trong sổ kế toán giảm hơn 10% thì công ty phải thông báo cho tất cả các chủ nợ biết và công bố thông tin trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày hoàn tất nghĩa vụ thanh toán việc mua lại cổ phiếu.

Where the Company repurchases its own shares, after completing the payment for the repurchased shares, if the total value of assets recorded in the accounting books decreases by more than 10%, the Company must notify all creditors and disclose information within 15 days from the date of completion of payment obligations for the share repurchase.

Điều 13. Công bố thông tin của người nội bộ và người có liên quan của người nội bộ

Article 13. Disclosure of information by insiders and related persons of insiders

1. Người nội bộ của Công ty và người có liên quan của các đối tượng này phải công bố thông tin, báo cáo trước và sau khi thực hiện giao dịch cho Công ty, UBCKNN, SGDCK (đối với cổ phiếu niêm yết, đăng ký giao dịch, chứng chỉ quỹ đại chúng niêm yết), công ty quản lý quỹ đầu tư chứng khoán khi giá trị giao dịch dự kiến trong ngày từ 50 triệu đồng trở lên hoặc giá trị giao dịch dự kiến trong từng tháng từ 200 triệu đồng trở lên tính theo mệnh giá (đối với cổ phiếu, trái phiếu chuyển đổi, chứng chỉ quỹ) hoặc theo giá phát hành gần nhất (đối với chứng quyền có bảo đảm) hoặc giá trị chuyển nhượng (đối với quyền mua cổ phiếu, quyền mua trái phiếu chuyển đổi, quyền mua chứng chỉ quỹ), kể cả trường hợp chuyển nhượng không thông qua hệ thống giao dịch tại SGDCK (như các giao dịch cho hoặc được cho, tặng hoặc được tặng, thừa kế, chuyển nhượng hoặc nhận chuyển nhượng chứng khoán và các trường hợp khác), cụ thể như sau:

Insiders of the Company and their related persons must disclose and report before and after conducting transactions to the Company, the SSC, the Stock Exchange (for listed shares, registered for trading shares, and listed public fund certificates), and the securities investment fund management company, when the expected transaction value in a day is VND 50 million or more, or the expected transaction value in a month is VND 200 million or more, calculated at par value (for shares, convertible bonds, fund certificates), at the latest issued price (for covered warrants), or at transfer price (for rights to purchase shares, convertible bonds, or fund certificates), including cases of transfer outside the trading system of the Stock Exchange (such as giving, being given, donation, inheritance, transfer or receipt of transfer of securities, and other cases), specifically as follows:

- a) Trước ngày dự kiến thực hiện giao dịch tối thiểu 03 ngày làm việc, người nội bộ và người có liên quan phải công bố thông tin về việc dự kiến giao dịch theo mẫu quy định tại Phụ lục XIII hoặc Phụ lục XIV ban hành kèm theo Thông tư này, ngoại trừ trường hợp công ty chứng khoán là người có liên quan của người nội bộ của tổ chức niêm yết, tổ chức đăng ký giao dịch khi thực hiện chuyển quyền sở hữu theo quy định tại điểm q2 khoản 2 Điều 6 Thông tư 119.

At least 03 working days before the expected transaction date, insiders and related persons must disclose information on the expected transaction using the forms prescribed in Appendix XIII or Appendix XIV issued together with this Circular, except in the case where a securities company is a related person of an insider of a listed or registered trading organization when conducting ownership transfer in accordance with Point q2, Clause 2, Article 6 of Circular 119.

Trường hợp công ty chứng khoán thực hiện bán cổ phiếu trên hệ thống giao dịch chứng khoán đối với số cổ phiếu nhận về trên tài khoản tự doanh theo quy định tại khoản 9 Điều 40k Thông tư 119, việc miễn trừ công bố thông tin được áp dụng cho giao dịch thực hiện trong vòng 04 ngày làm việc kể từ ngày cổ phiếu về tài khoản tự doanh của công ty chứng khoán quy định tại khoản 7, khoản 8 Điều 40k Thông tư 119.

Where a securities company sells shares on the securities trading system for the shares received into its proprietary trading account as prescribed in Clause 9, Article 40k of Circular 119, exemption from disclosure shall apply for transactions conducted within 04

working days from the date the shares are credited into the securities company's proprietary trading account as prescribed in Clauses 7 and 8, Article 40k of Circular 119.

- b) Thời hạn thực hiện giao dịch không được quá 30 ngày, kể từ ngày đăng ký thực hiện giao dịch. Người nội bộ và người có liên quan phải thực hiện theo thời gian, khối lượng, giá trị do Sở SGDCK đã công bố thông tin và chỉ được thực hiện giao dịch đầu tiên vào ngày giao dịch liền sau ngày có thông tin công bố từ SGDCK;

The transaction period shall not exceed 30 days from the date of registration of the transaction. Insiders and related persons must comply with the timeline, volume, and value disclosed by the Stock Exchange and may only conduct the first transaction on the trading day immediately following the date the Stock Exchange discloses the information.

- c) Trường hợp thực hiện giao dịch mua trong các đợt phát hành cổ phiếu, chứng chỉ quỹ hoặc giao dịch chào mua công khai, đối tượng phải công bố thông tin theo quy định tại Điều này được miễn trừ nghĩa vụ quy định tại điểm b khoản này và thực hiện theo quy định pháp luật về hoạt động chào bán, phát hành, chào mua công khai;

In case of purchase transactions conducted in share or fund certificate offerings, or public tender offers, the persons subject to disclosure under this Article are exempted from the obligation under Point b of this Clause and must comply with the provisions of law on offering, issuance, and public tender offers.

- d) Người nội bộ và người có liên quan không được đồng thời đăng ký, giao dịch mua và bán cổ phiếu, quyền mua cổ phiếu, trái phiếu chuyển đổi, quyền mua trái phiếu chuyển đổi, chứng chỉ quỹ, quyền mua chứng chỉ quỹ hoặc chứng quyền có bảo đảm trong cùng một đợt đăng ký, giao dịch và chỉ được đăng ký, thực hiện giao dịch tiếp theo khi đã báo cáo kết thúc đợt giao dịch trước đó; ngoại trừ trường hợp công ty quản lý quỹ, chi nhánh công ty quản lý quỹ nước ngoài tại Việt Nam là người có liên quan của người nội bộ thực hiện đăng ký, giao dịch mua và bán chứng khoán cho các quỹ ETF hoặc đầu tư theo chỉ định của khách hàng ủy thác tuy nhiên phải đảm bảo từng khách hàng ủy thác không được đồng thời đăng ký, giao dịch mua và bán trong cùng một đợt đăng ký;

Insiders and related persons shall not simultaneously register to buy and sell shares, rights to purchase shares, convertible bonds, rights to purchase convertible bonds, fund certificates, rights to purchase fund certificates, or covered warrants in the same registration/transaction period and may only register and conduct subsequent transactions after reporting the completion of the previous transaction period; except in cases where fund management companies, or branches of foreign fund management companies in Vietnam, being related persons of insiders, register and conduct buy/sell transactions for ETFs or client-mandated investments, provided that each entrusting client shall not simultaneously register to buy and sell in the same registration period.

- e) Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày hoàn tất giao dịch (trường hợp giao dịch kết thúc trước thời hạn đăng ký) hoặc kết thúc thời hạn dự kiến giao dịch, người nội bộ và người có liên quan phải công bố thông tin về kết quả giao dịch đồng thời giải trình nguyên nhân không thực hiện được giao dịch hoặc không thực hiện hết khối lượng đăng ký (nếu có) theo mẫu quy định tại Phụ lục XV hoặc Phụ lục XVI ban hành kèm theo Thông tư 96;

Within 05 working days from the completion of the transaction (if completed earlier than the registered period) or the end of the registered transaction period, insiders and related persons must disclose information on the transaction result and explain reasons for not conducting or not fully completing the registered volume (if any) using the forms prescribed in Appendix XV or Appendix XVI issued together with Circular 96.

- f) Người nội bộ và người có liên quan là đối tượng phải thực hiện báo cáo, công bố thông tin theo quy định tại khoản này đồng thời là đối tượng phải thực hiện báo cáo, công bố thông tin theo quy định tại Điều 31 Thông tư 96 thì chỉ phải thực hiện nghĩa vụ công bố thông tin áp dụng đối với người nội bộ và người có liên quan.

Insiders and related persons subject to reporting and disclosure obligations under this Clause, who are also subject to reporting and disclosure obligations under Article 31 of Circular 96, shall only be required to perform disclosure obligations applicable to insiders and related persons.

2. Người nội bộ và người có liên quan không thuộc đối tượng phải thực hiện báo cáo, công bố thông tin theo quy định tại khoản 1 Điều này đồng thời là đối tượng phải thực hiện báo cáo, công bố thông tin theo quy định tại Điều 31 Thông tư 96 thì phải thực hiện nghĩa vụ báo cáo, công bố thông tin theo quy định tại Điều 31 Thông tư 96.

Insiders and related persons not subject to reporting and disclosure obligations under Clause 1 of this Article, but subject to reporting and disclosure obligations under Article 31 of Circular 96, must comply with the reporting and disclosure obligations under Article 31 of Circular 96.

3. Trường hợp sau khi đăng ký giao dịch, đối tượng đăng ký giao dịch không còn là người nội bộ của Công ty hoặc người có liên quan của các đối tượng này, đối tượng đăng ký giao dịch vẫn phải thực hiện việc báo cáo và công bố thông tin theo quy định tại khoản 1 Điều này.

In case, after registering for a transaction, the registrant ceases to be an insider of the Company or a related person of such insiders, the registrant must still report and disclose information in accordance with Clause 1 of this Article.

4. Trường hợp công ty chứng khoán là người có liên quan của người nội bộ của Công ty, khi thực hiện sửa lỗi giao dịch cổ phiếu niêm yết, đăng ký giao dịch hoặc chứng chỉ quỹ niêm yết, công ty chứng khoán phải báo cáo UBCKNN, SGDCK, tổ chức niêm yết, đăng ký giao dịch hoặc công ty quản lý quỹ đầu tư chứng khoán trong thời hạn 24 giờ, kể từ thời điểm hoàn thành giao dịch sửa lỗi.

In case a securities company is a related person of an insider of the Company, when conducting error correction transactions of listed, registered for trading shares or listed fund certificates, such securities company must report to the SSC, the Stock Exchange, the listed or registered for trading organization, or the securities investment fund management company within 24 hours from the time the error correction transaction is completed.

5. Trong thời hạn 03 ngày làm việc sau khi nhận được các báo cáo liên quan đến giao dịch chứng khoán của người nội bộ và người có liên quan theo quy định tại Điều này, Công ty phải công bố trên trang thông tin điện tử của công ty.

Within 03 working days after receiving reports related to securities transactions of insiders and related persons under this Article, the Company must disclose such information on its website.

6. Trường hợp công ty chứng khoán là người có liên quan của người nội bộ của tổ chức niêm yết, tổ chức đăng ký giao dịch, công ty chứng khoán phải công bố thông tin và báo cáo UBCKNN, SGDCK và thông báo cho tổ chức niêm yết, tổ chức đăng ký giao dịch khi giá trị giao dịch trong ngày từ 50 triệu đồng trở lên hoặc giá trị giao dịch trong từng tháng từ 200 triệu đồng trở lên tính theo mệnh giá, bao gồm trường hợp chuyển quyền sở hữu ngoài hệ thống giao dịch chứng khoán theo mẫu quy định tại Phụ lục XVIII ban hành kèm theo Thông tư 96 trong thời hạn 24 giờ kể từ các thời điểm sau đây:

In cases where a securities company is a related person of an insider of a listed or registered for trading organization, such securities company must disclose information, report to the SSC, the Stock Exchange, and notify the listed or registered for trading organization when the transaction value in a day reaches VND 50 million or more, or the transaction value in a month reaches VND 200 million or more at par value, including cases of off-exchange ownership transfer, using the form prescribed in Appendix XVIII issued together with Circular 96, within 24 hours from the following times:

- a) Hoàn tất việc chuyển quyền sở hữu về tài khoản tự doanh của công ty chứng khoán theo quy định tại các khoản 7, 8 Điều 40k Thông tư 119;
Completion of ownership transfer to the proprietary trading account of the securities company in accordance with Clauses 7 and 8, Article 40k of Circular 119;
- b) Công ty chứng khoán hoàn tất việc bán cổ phiếu theo quy định tại khoản 9 Điều 40k Thông tư 119.
Completion of share sales by the securities company in accordance with Clause 9, Article 40k of Circular 119.

Điều 14. Thời điểm bắt đầu thực hiện và chấm dứt việc công bố thông tin của Công ty
Article 14. Commencement and termination of the company's information disclosure obligations

1. Công ty thực hiện nghĩa vụ công bố thông tin của công ty theo quy định tại Quy chế này kể từ thời điểm có vốn góp của chủ sở hữu từ 120 tỷ đồng trở lên tại báo cáo tài chính năm gần nhất đã được kiểm toán.
The Company shall perform its information disclosure obligations under this Regulation from the time the owner's contributed capital reaches VND 120 billion or more as stated in the most recent audited annual financial statements.
2. Trong thời hạn 01 năm kể từ ngày không còn là công ty đại chúng quy mô lớn theo quy định tại khoản 1 Điều 3 Quy chế này, Công ty tiếp tục thực hiện nghĩa vụ công bố thông tin như công ty đại chúng quy mô lớn theo quy định tại Quy chế này.
Within 01 year from the date the Company ceases to be a large-scale public company as defined in Clause 1, Article 3 of this Regulation, the Company shall continue to perform

its information disclosure obligations as applicable to large-scale public companies under this Regulation.

CHƯƠNG III. TRÁCH NHIỆM CỦA CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ CÁC ĐƠN VỊ
CHAPTER III. RESPONSIBILITIES OF THE CHAIRWOMAN OF THE BOARD OF DIRECTORS AND RELEVANT UNITS

Điều 15. Trách nhiệm của Hội đồng quản trị
Article 15. Responsibilities of the Board of Directors

1. Phê duyệt, ban hành Quy định CBTT và sửa đổi, bổ sung phù hợp với quy định pháp luật từng thời kỳ;
Approve and promulgate the Information Disclosure Regulations, and amend and supplement them in accordance with applicable laws from time to time;
2. Trực tiếp chỉ đạo, giám sát hoạt động của các đơn vị, cá nhân có liên quan đến hoạt động CBTT;
Directly instruct and supervise the activities of units and individuals related to information disclosure;
3. Quyết định việc thực hiện các kiến nghị của các bộ phận liên quan đến hoạt động của CBTT. Có biện pháp xử lý kịp thời khi có các báo cáo định kỳ, đột xuất của bộ phận hoặc khi có các kiến nghị, đề xuất của cá nhân, đơn vị liên quan đến hoạt động CBTT.
Decide on the implementation of recommendations from relevant departments concerning information disclosure activities; take timely remedial measures upon receipt of periodic or ad-hoc reports from departments, or upon recommendations and proposals from individuals or units relating to information disclosure.

Điều 16. Trách nhiệm của các Bộ phận, Đơn vị nghiệp vụ, cá nhân có liên quan
Article 16. Responsibilities of Departments, Functional Units, and related individuals

1. Là Đơn vị chủ quản đối với những thông tin cần CBTT phát sinh theo nghiệp vụ của Đơn vị mình, trình nội dung CBTT cho Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc Người được ủy quyền công bố thông tin phê duyệt;
Act as the governing unit for information disclosure arising from its own operations, and submit the content of information disclosure to the Chairwoman of the Board of Directors or the authorized information discloser for approval;
2. Triển khai các hoạt động liên quan đến hoạt động CBTT thuộc bộ phận của mình;
Implement activities related to information disclosure within its scope of responsibility;
3. Tổ chức thực hiện CBTT trong phạm vi trách nhiệm của bộ phận mình;
Organize the execution of information disclosure within the scope of responsibility of its unit;

4. Đề nghị bổ sung nhân sự ở các Đơn vị khác tham gia hoạt động CBTT khi cần thiết tuy nhiên phải đảm bảo trách nhiệm độc lập của Đơn vị về việc CBTT đó;
Request the participation of personnel from other units in information disclosure activities when necessary, provided that the independent responsibility of the unit for such disclosure is ensured;
5. Chịu trách nhiệm chính và cung cấp tất cả các thông tin, hồ sơ, tài liệu cần thiết liên quan đến nội dung CBTT cho cá nhân/bộ phận tiếp nhận hồ sơ và bộ phận thực hiện đăng tải tài liệu CBTT (trường hợp Đơn vị là chủ quản của nội dung CBTT);
Take primary responsibility for and provide all necessary information, records, and documents relating to the information disclosure content to the individual/department receiving the dossier and the department responsible for publishing the information disclosure documents (in cases where the unit is the governing entity of the disclosure content);
6. Báo cáo Giám đốc khi phát hiện các vấn đề yếu kém, tồn tại các sai phạm của việc thực hiện CBTT;
Report to the General Director upon detecting shortcomings, existing issues, or violations in the implementation of information disclosure;
7. Thực hiện các kiến nghị đã thông nhất với người thực hiện CBTT, Bộ phận có trách nhiệm CBTT hoặc theo chỉ đạo của Chủ tịch Hội đồng quản trị.
Implement recommendations agreed upon with the person in charge of information disclosure, the department responsible for information disclosure, or as directed by the Chairwoman of the Board of Directors.

Điều 17. Quy trình các bước công bố thông tin

Article 17. Information Disclosure Procedure

1. Lưu đồ
Flowchart

Đơn vị có trách nhiệm <i>Responsible unit</i>	Lưu đồ thực hiện <i>Flowchart step(s)</i>	Tham chiếu <i>Reference</i>
Phòng/Ban/Chi nhánh/Công ty con phát sinh sự kiện phải CBTT <i>Department / Division / Branch / Subsidiary in which an event requiring information disclosure arises</i>	- Xác định sự kiện phát sinh thuộc trường hợp CBTT; <i>Identify whether the arising event falls within cases requiring information disclosure;</i> - Xác định loại hình CBTT để chuẩn bị tài liệu liên quan đến CBTT. <i>Determine the type of information disclosure and prepare the relevant disclosure materials.</i>	Bước 1&2 <i>Step 1&2</i>

Người được ủy quyền CBTT <i>Authorized Information Disclosure Officer</i>	Phê duyệt CBTT <i>Approval of Information Disclosure</i>	Bước 3 <i>Step 3</i>
Bộ phận Công bố thông tin <i>Information Disclosure Department</i>	Công bố thông tin trên: <i>Disclosure on:</i> 1. Website Công ty; <i>The Company's website;</i> 2. Hệ thống CBTT của UBCKNN, SGDCK. <i>The Information Disclosure System of the SSC and the Stock Exchange.</i>	Bước 4 <i>Step 4</i>
Bộ phận Công bố thông tin <i>Information Disclosure Department</i>	Lưu trữ tài liệu <i>Document archiving</i>	Bước 5 <i>Step 5</i>

2. Diễn giải chi tiết
Detailed explanation

Bước <i>Step</i>	Nội dung <i>Content</i>	Trách nhiệm <i>Responsibility</i>	Thời gian <i>Timing</i>
1	Xác định sự kiện phát sinh thuộc trường hợp CBTT <i>Determine whether the event that has occurred falls within cases requiring information disclosure.</i>	Bộ phận chuyên môn <i>Relevant functional department</i>	Định kỳ/ trước khi phát sinh <i>Periodically / prior to occurrence</i>
2	Chuẩn bị tài liệu CBTT <i>Prepare disclosure materials</i>	Bộ phận chuyên môn, Bộ phận Công bố thông tin <i>Relevant functional department; Information Disclosure Department</i>	Theo quy định hiện hành <i>As required by applicable regulations</i>
3	Xác thực và báo cáo: Bộ phận có trách nhiệm xác thực tính chính xác và nội dung CBTT báo cáo Người có trách nhiệm CBTT (nội dung và các tài liệu sử dụng cho CBTT) để	Người được ủy quyền CBTT <i>Authorized Information Disclosure Officer</i>	Theo quy định hiện hành <i>As required by applicable regulations</i>

	Người có trách nhiệm CBTT quyết định CBTT <i>Verification and reporting: The department in charge shall verify the accuracy and content of the information disclosure and report to the person responsible for information disclosure (including the contents and documents used for disclosure) for the latter to decide on the disclosure.</i>		
4	Công bố thông tin trên: <i>Publish/disclose the information on:</i> - Website công ty; <i>the Company website;</i> - Hệ thống CBTT của UBCKNN, SGDCK; <i>the SSC and Stock Exchange disclosure systems.</i>	Bộ phận Công bố thông tin <i>Information Disclosure Department</i>	Theo quy định từng loại hình <i>In accordance with the rules applicable to each disclosure channel</i>
5	Bảo quản và lưu trữ: Bộ phận Công bố thông tin lưu trữ tài liệu, văn bản theo các quy định lưu trữ của pháp luật hiện hành <i>Preservation and archiving: the Information Disclosure Department shall store documents and records in accordance with statutory archiving and retention requirements.</i>	Bộ phận Công bố thông tin <i>Information Disclosure Department</i>	Ngay sau khi thực hiện CBTT <i>Immediately after the disclosure has been made</i>

CHƯƠNG IV. ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH **CHAPTER IV. IMPLEMENTATION PROVISIONS**

Điều 18. Sửa đổi, bổ sung Quy chế **Article 18. Amendment and Supplementation of the Regulation**

1. Hội đồng quản trị chịu trách nhiệm sửa đổi, bổ sung Quy chế này khi thấy cần thiết, phù hợp với tình hình hoạt động của Công ty, theo quy định pháp luật và Điều lệ Công ty.
The Board of Directors shall be responsible for amending and supplementing this Regulation when deemed necessary, in line with the Company's operations, in accordance with the law and the Company's Charter.
2. Trong trường hợp có những quy định của pháp luật có liên quan đến công bố thông tin của Công ty chưa được đề cập trong Quy chế này hoặc có những quy định mới của pháp luật khác hoặc trái với những điều khoản trong Quy chế này thì những quy định của pháp luật đó đương nhiên được áp dụng và điều chỉnh công bố thông tin của Công ty. Các vấn đề khác có liên quan đến nội dung Quy chế này, nhưng chưa được quy định trong Quy chế này, sẽ áp dụng theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.

In case there are legal provisions relating to the Company's information disclosure that are not covered in this Regulation, or there are new legal provisions or provisions contrary to this Regulation, such legal provisions shall automatically prevail and govern the Company's information disclosure. Other matters related to the content of this Regulation but not stipulated herein shall be implemented in accordance with the law and the Company's Charter.

Điều 19. Hiệu lực thi hành

Article 19. Effectiveness

Quy chế này bao gồm 04 chương, 19 điều do Hội đồng quản trị thông qua và có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

This Regulation comprises 04 Chapters and 19 Articles, adopted by the Board of Directors, and shall take effect from the date of signing.

Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát, Ban Tổng Giám đốc, toàn bộ nhân viên và các tổ chức, cá nhân liên quan của Công ty Cổ phần Tập đoàn Yeah1 chịu trách nhiệm thực hiện Quy chế này.

The Board of Directors, the Supervisory Board, the Executive Board, all employees, and relevant organizations and individuals of Yeah1 Group Corporation shall be responsible for implementing this Regulation.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
ON BEHALF OF THE BOARD OF
DIRECTORS
CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHAIRMAN OF THE BOARD



LÊ PHƯƠNG THẢO

